

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S3...

Listening: .....

Ngày giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Mini test: .....

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



## GLOBAL ENGLISH 3

### IT'S TRAVEL TIME! - VOCABULARY & SPEAKING PRACTICE

#### A. VOCABULARY

##### ❖ Travel time

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>holiday</b> (n)	kỳ nghỉ, ngày lễ	6	<b>airport</b> (n)	sân bay
2	<b>have fun</b> (phr)	tận hưởng, vui vẻ	7	<b>passport</b> (n)	hộ chiếu
3	<b>ocean</b> (n)	đại dương	8	<b>sunglasses</b> (n)	kính râm
4	<b>luggage</b> (n)	hành lý	9	<b>destination</b> (n)	điểm đến
5	<b>sunlight</b> (n)	ánh nắng mặt trời	10	<b>excited</b> (adj)	hào hứng, phấn khích

##### ❖ Extra vocabulary







No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>secretary</b> (n)	thư ký	3	<b>newspaper</b> (n)	báo (giấy)
2	<b>rucksack</b> (n)	ba lô, cặp			

\* **Note:** *n = noun: danh từ; phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ.*

\* *Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi*

#### B. HOMEWORK

##### I. Circle the correct answer. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

<p>0.</p>  <p><b>A.</b> ocean <b>B.</b> excited</p>	<p>1.</p>  <p><b>A.</b> sunlight <b>B.</b> airport</p>	<p>2.</p>  <p><b>A.</b> luggage <b>B.</b> sunglasses</p>
<p>3.</p>  <p><b>A.</b> passport <b>B.</b> destination</p>	<p>4.</p>  <p><b>A.</b> ocean <b>B.</b> holiday</p>	<p>5.</p>  <p><b>A.</b> sunlight <b>B.</b> have fun</p>

## II. Look, read and choose the correct words to fill in the blanks.

(Nhìn, đọc và chọn các từ chính xác để điền vào các chỗ trống.)



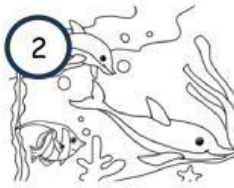
0. I want to \_\_\_\_\_ to Japan.

- A. have fun                      B. travel



1. We enjoy our summer \_\_\_\_\_.

- A. holiday                      B. sunlight



2. The \_\_\_\_\_ is big and blue.

- A. excited                      B. ocean

3. I wear \_\_\_\_\_ on sunny days.

- A. passport                      B. sunglasses

4. We are going to the \_\_\_\_\_ now.

- A. sunlight                      B. airport

5. Let's \_\_\_\_\_ at the beach!

- A. have fun                      B. airport



## III. Read and complete the words. (Đọc và hoàn thành từ vựng.)

0. I am finding my p a s s p o r t for my flight next week.

1. Our final d \_\_\_\_\_ n is Phu Quoc, a beautiful island in Vietnam.

2. The s \_\_\_\_\_ shines on the sand and makes everything look so bright.

3. The children are very e \_\_\_\_\_ because they are going on a trip tomorrow.

4. We arrived at the a \_\_\_\_\_ early to catch our flight to Hanoi.

5. The o \_\_\_\_\_ is so big and beautiful, and I like to swim in it.

## IV. Reorder the given words to form suitable sentences.

(Sắp xếp các từ vựng đã cho sẵn để tạo các câu hoàn chỉnh.)

0. that one. / is cheaper / This hotel / than

→ This hotel is cheaper than that one.

1. the week. / the hottest day / Today / is / of

→ \_\_\_\_\_

2. three apples / my bag. / I have / in

→ \_\_\_\_\_

3. every morning. / drinks / She / milk

→ \_\_\_\_\_

4. is faster / My car / than / your car.

→ \_\_\_\_\_

5. the most beautiful / in / She is / girl / this town.

→ \_\_\_\_\_

# CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link sau: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/flyers-1-old-test3-part-3>

## Part 3

– 5 questions –

Paul's big sister is telling him about her day at work yesterday. She works in a large shop. Which thing did each person buy?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Mrs Cook



Mr Rich



Miss Hill



Mr Salt

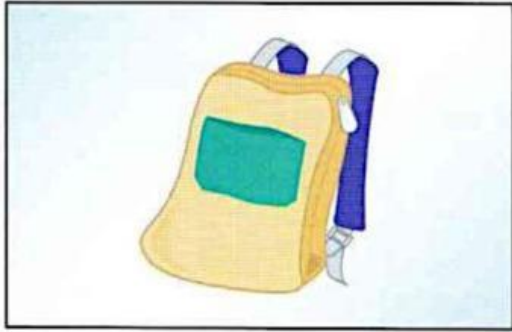


Mrs Gold



Mr Wood

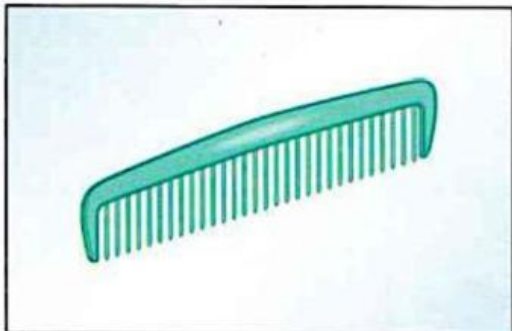




A



B



C



D



E



F



G



H